BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
****

NGUYỄN THỊ LINH HUYỀN

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIỆN NAY

Chuyên ngành: Lý luận và PPDH bộ môn GDCT
Mã số: 9.14.01.11

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Trần Thị Mai Phương

HÀ NỘI - 2018

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI:
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Trần Thị Mai Phương

Phản biện 1: **PGS.TS. Nguyễn Tiến Hùng**

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Phản biện 2: **PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp**

Đại học Quốc gia Hà Nội

Phản biện 3: **PGS.TS. Đào Đức Doãn**

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường.

Họp tại:

Vào hồi....giờ....ngày.....tháng ....năm 2018

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc Gia Việt Nam
- Thư viện trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ

I.Công trình khoa học

1. Trần Thị Mai Phương -Nguyễn Thị Linh Huyền, *Tăng cường hoạt động của học sinh trong dạy học GDCD ở Trung học phổ thông,* Tạp chí Giáo dục, Số 314, Kỳ 2, tháng 7/2013, trang 39.
2. Hoàng Phúc- Nguyễn Thị Linh Huyền, *Giáo dục đạo đức cho thanh niên – Bước quan trọng để định hình nhân phẩm của đội ngũ tri thức tương lai,* Tạp chí Giáo dục, Số ĐB, tháng 11/2013, trang 45.
3. Nguyễn Thị Linh Huyền, *Giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THPT,* Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, tháng 5/2015, trang 224.
4. Nguyễn Thị Linh Huyền, *Sử dụng phương pháp nêu gương nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THPT,* Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, kì 3- tháng 6/2016, trang 231.
3. Nguyễn Thị Linh Huyền, *Một số phương pháp dạy học tích cực nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh cho học sinh THPT*, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số đặc biệt, tháng 9/2016, trang 150.
4. Nguyễn Thị Linh Huyền, *Biện pháp tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học Giáo dục công dân ở trường THPT*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: *"Nghiên cứu và giảng dạy Lý luận chính trị trong xu thế toàn cầu hóa",* trường ĐH Sư Phạm Hà Nội, NXB Lý luận chính trị, năm 2016, trang 460.
5. Nguyễn Thị Linh Huyền, *Giáo dục đạo đức kinh doanh với việc hình thành nhân cách công dân cho HS THPT*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: *"Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn GDCD ở trường trung học",* trường ĐH Sư Phạm Huế, Tháng 1 năm 2017, trang 327.
6. Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Linh Huyền, *Một số vấn đề về giáo dục đạo đức kinh doanh cho học sinh THPT trong dạy học môn GDCD*, Kỷ yếu Hội thảo Đại học sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Tháng 10/2017, trang 60.
7. Nguyễn Thị Linh Huyền, *Nguyên tắc tăng cường giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THPT*, Tạp chí Giáo dục số 420 (Kì 2, tháng 12/2017), Trang 57.

II. Sách đã xuất bản

1. *Thiết kế bài dạy học môn GDCD ở trường phổ thông* (tham gia), Nxb Đại học Huế, T6/2016

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường (KTTT) định hướng xã hội chủ nghĩa là một xu thế tất yếu khách quan. Bên cạnh việc mang lại những chuyển biến tích cực cho sự phát triển, kinh tế thị trường còn chứa đựng nhiều tác động tiêu cực nhất là việc suy thoái về đạo đức trong đó có đạo đức kinh doanh. Việc giáo dục đạo đức kinh doanh ở nước ta, bên cạnh việc hoàn thiện hành lang pháp lý, xây dựng các quy tắc ứng xử về đạo đức kinh doanh cần chú trọng công tác tuyên truyền và giáo dục đạo đức kinh doanh cho tất cả các chủ thể tham gia vào nền kinh tế thị trường đầy sôi động hiện nay.

Thực tế dạy học môn Giáo dục công dân (GDCD) ở trường trung học phổ thông (THPT) nước ta hiện nay cho thấy vấn đề giáo dục đạo đức kinh doanh (GD ĐĐKD) cho học sinh chưa thực sự được coi trọng. Thực trạng này đòi hỏi cần nhanh chóng tìm ra biện pháp đẩy mạnh giáo dục đạo đức kinh doanh cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học Giáo dục công dân bởi điều này không chỉ đáp ứng yêu cầu cấp thiết của sự phát triển kinh tế - xã hội đối với việc nâng cao ý thức đạo đức kinh doanh cho mỗi công dân mà còn làm cho nội dung và phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân trở nên sống động, gần gũi và thiết thực hơn, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục nhân cách công dân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Với những lý do trên, tôi chọn nghiên cứu đề tài: **"Giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông hiện nay"** làm đề tài luận án.

2. Mục đích nghiên cứu

Từ việc nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn, luận án đề xuất các biện pháp sư phạm thực hiện giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân góp phần đẩy mạnh việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho học sinh cũng như đảm bảo và nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THPT nước ta hiện nay.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

- Khách thể nghiên cứu là quá trình giáo dục đạo đức kinh doanh thông qua dạy học môn GDCD ở các trường THPT.
- Đối tượng nghiên cứu là những nguyên tắc và biện pháp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở các trường THPT.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu các nguyên tắc, biện pháp luận án đề xuất nhằm giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD được áp dụng thì chất lượng dạy học môn GDCD sẽ được nâng cao, đồng thời mục tiêu giáo dục đạo

đức kinh doanh, hình thành nhân cách công dân cho HS THPT trong nền KTTT định hướng XHCN Việt Nam sẽ được đáp ứng.

5. Nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

5.1. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT.

- Điều tra, đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT.

- Đề xuất những nguyên tắc và các biện pháp tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT.

- Tổ chức thực nghiệm sư phạm để đánh giá hiệu quả tác động của các biện pháp đã đề xuất trong luận án.

5.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh được thực hiện thông qua một số bài môn GDCD ở trường THPT bao gồm: phần giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật, công dân với kinh tế.

-Khảo sát thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở các trường THPT trên địa bàn các tỉnh: Sơn La, Hà Nội, Bình Phước, Lâm Đồng, Hải Phòng, Bắc Giang, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và triển khai thực nghiệm tại một số trường THPT ở Hà Nội, Sơn La, Bình Phước, Lâm Đồng, Hải Phòng, Bắc Giang, Khánh Hòa.

6. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận:

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; quan điểm đường lối của Đảng, Nhà nước về đạo đức và giáo dục đạo đức kinh doanh; lí luận dạy học hiện đại; lí luận và phương pháp dạy học bộ môn giáo dục công dân.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

6.2.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lí luận

Sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa nhằm thu thập và xử lý các thông tin để xây dựng cơ sở lí luận của đề tài.

6.2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp quan sát: quan sát thái độ, sự chú ý, biểu hiện hứng thú, tính tích cực nhận thức của HS trong dạy học môn GDCD về giáo dục đạo đức kinh doanh thông qua các buổi dự giờ, giảng dạy.

- Phương pháp điều tra: sử dụng phiếu hỏi đối với GV, HS nhằm thu thập thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

- Phương pháp thực nghiệm: tổ chức thực nghiệm sư phạm để phân tích, đánh giá, so sánh nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng thông qua tác động của thực nghiệm, góp phần kiểm định giả thuyết khoa học.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng các phương pháp bổ trợ khác như: Phương pháp xin ý kiến chuyên gia (về xây dựng đề cương và cơ sở lí luận, xây dựng phiếu khảo sát), phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động (nghiên cứu giáo án), phương pháp xử lý các số liệu thu được bằng toán thống kê và phần mềm SPSS.

7. Những luận điểm cần bảo vệ

- Giáo dục đạo đức kinh doanh có vai trò quan trọng trong hình thành và phát triển nhân cách cho thế hệ trẻ Việt Nam. Có nhiều con đường để giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS, trong đó dạy học trong nhà trường, đặc biệt là nhà trường THPT là con đường cơ bản nhất.

- Trong chương trình đào tạo ở trường THPT, GDCD là môn học có nhiều ưu thế đối với việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS.

- Việc đẩy mạnh giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản: đảm bảo mục tiêu dạy học môn học, đảm bảo tính thực tiễn, phát huy tính tích cực của người học.

- Để nâng cao hiệu quả dạy học môn GDCD và thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS các trường THPT trong dạy học môn học, cần tập trung thực hiện các biện pháp: lựa chọn nội dung dạy học GDCD có liên quan đến giáo dục đạo đức kinh doanh để tích hợp, sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đặc trưng phù hợp với việc giáo dục đạo đức kinh doanh, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm thúc đẩy giáo dục đạo đức kinh doanh...

8. Những đóng góp mới của luận án

- Làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về giáo dục đạo đức kinh doanh và luận cứ được ưu thế của môn GDCD trong việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS THPT.

- Đánh giá một cách toàn diện thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS trong dạy học GDCD ở các trường THPT nước ta hiện nay.

- Đề xuất được nguyên tắc, biện pháp tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT.

9. Cấu trúc của luận án

Ngoài mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận án được thể hiện ở 4 chương:

Chương 1: Tổng quan các công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở trường THPT

Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT hiện nay

Chương 3: Nguyên tắc và biện pháp tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở trường THPT hiện nay

Chương 4: Thực nghiệm sư phạm

Chương 1
TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1. Nghiên cứu về đạo đức kinh doanh và giáo dục đạo đức kinh doanh

1.1.1. Nghiên cứu về đạo đức kinh doanh

Trong lịch sử xã hội loài người, đạo đức kinh doanh là vấn đề được quan tâm từ rất sớm và được đề cập dưới nhiều hình thức ngay từ khi thương nghiệp xuất hiện cùng với sự phân công lao động, hoạt động kinh doanh hình thành và phát triển. Ở Việt Nam, từ khi chuyển sang cơ chế thị trường, vấn đề đạo đức kinh doanh được quan tâm và chú ý nhiều hơn. Đã có một số giáo trình đạo đức kinh doanh được xuất bản và đưa vào giảng dạy ở các trường đại học thuộc khối ngành kinh tế của các tác giả như Mai Ngọc Cường, Nguyễn Mạnh Quân, Dương Thị Liễu, Bùi Xuân Phong, Ngô Đình Giao...

Các tác giả đã tập trung phân tích và nhấn mạnh vai trò không thể thiếu của triết lý kinh doanh trong hoạt động của doanh nghiệp để các chủ thể kinh doanh lựa chọn cách thức kinh doanh phù hợp bởi triết lý kinh doanh không tách rời mà gắn bó chặt chẽ với đạo đức kinh doanh. Môi trường kinh doanh có đạo đức sẽ đem lại niềm tin cho khách hàng và nhân viên, sự tận tâm của nhân viên và sự hài lòng của khách hàng mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Như vậy, vấn đề đạo đức kinh doanh được các tác giả tiếp cận và phân tích dưới nhiều góc độ khác nhau, nhưng cơ bản các tác giả đều đề cập đến sự cần thiết và vai trò của đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Kinh doanh có đạo đức là bí quyết thành công trong sự nghiệp làm giàu của mỗi doanh nhân. Nếu tuân theo những chuẩn mực của đạo đức kinh doanh thì các chủ thể kinh doanh sẽ thành công, tồn tại và phát triển một cách bền vững.

1.1.2. Nghiên cứu về giáo dục đạo đức kinh doanh

Giáo dục đạo đức kinh doanh là vấn đề quan trọng và cấp thiết ở nước ta hiện nay. Bởi thực trạng một số người vì lợi ích trước mắt, lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm giàu lên nhanh chóng một cách phi pháp và vô đạo đức đang tác động rất tiêu cực đến sự phát triển bền vững của đất nước. Do vậy, bên cạnh những giải pháp mang tính chất vĩ mô như cơ chế thị trường và pháp luật, cần thiết phải giáo dục đạo đức kinh doanh. Việc giáo dục đạo đức phải gắn liền với thực tiễn kinh doanh, để qua đó người học thấy

được vai trò của đạo đức, thấy được hậu quả của những hành vi vi phạm đạo đức trong kinh doanh nhằm hình thành cho người học - những chủ thể kinh doanh của tương lai ý thức tự giác trong tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực của đạo đức trong kinh doanh. Vấn đề này được nhiều tác giả ở nước ta đề cấp đến như: Hoàng Văn Hoa, Nguyễn Trọng Chuẩn, Phạm Văn Đức, Nguyễn Hữu Dễ...

Các tác giả đã đi sâu vào nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn về đạo đức kinh doanh và xây dựng, giáo dục đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Tuy nhiên, thực tiễn luôn vận động biến đổi. Các hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh xuất hiện ngày càng nhiều hơn trong xã hội. Điều đó đòi hỏi phải có những biện pháp thiết thực hơn nhằm ngăn chặn các hành vi trái pháp luật trong kinh doanh nhằm nâng cao đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

1.2. Những nghiên cứu về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở THPT

Giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS là rất cần thiết để góp phần hình thành nhân cách người lao động mới trong tương lai, quyết định đến thương hiệu và sự phát triển của đất nước trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Đây là vấn đề được quan tâm không chỉ thuộc về các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức kinh doanh mà còn cả đối với hệ thống giáo dục vì HS, SV chính là lực lượng lao động kế cận, chủ nhân tương lai của đất nước. Cần hình thành các chuẩn mực của đạo đức kinh doanh cho HS qua dạy học môn GDCD như: trung thực, chăm chỉ, tiết kiệm, năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm về việc làm của mình, có trình độ khoa học, có kỷ luật lao động; Sống và làm việc theo Hiến Pháp và Pháp luật; Sử dụng của cải vật chất tiết kiệm, hợp lý nhằm góp phần bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững. Chính vì vậy, đã có nhiều nghiên cứu, nhiều cách tiếp cận đến vấn đề giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS ở mức độ khái quát hoặc đề cập đến như một khía cạnh của đạo đức và pháp luật như tác giả: Đinh Công Sơn, Nguyễn Văn Cư, Lê Văn Đoán, Trần Thị Mai Phương...

1.3. Khái quát các kết quả nghiên cứu được kế thừa trong luận án và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Tổng quan cho thấy, việc nghiên cứu về đạo đức kinh doanh và giáo dục đạo đức kinh doanh cho các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và cho HS THPT đã được nhiều nhà khoa học quan tâm. Tuy nhiên, các công trình kể trên mới chỉ đề cập đến vấn đề giáo dục đạo đức kinh doanh cho

HS THPT một cách khái quát, chưa cụ thể hoặc chỉ mới dừng lại ở các bài viết, bài báo khoa hoc, chưa có công trình nào nghiên cứu về sâu về nội dung và các biện pháp giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS THPT trong dạy học GDCD.

Tác giả luận án trân trọng những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước, kế thừa có chọn lọc những nội dung có liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận án.

Để giải quyết vấn đề, luận án đi sâu nghiên cứu những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, làm rõ cơ sở lý luận về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD.

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở trường THPT nước ta hiện nay.

Thứ ba, đề xuất một số nguyên tắc và biện pháp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở trường THPT.

Chương 2
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIỆN NAY

2.1. Cơ sở lí luận về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THPT hiện nay

2.1.1. Một số khái niệm

2.1.1.1. Đạo đức

Đạo đức ra đời và tồn tại từ rất lâu đời trong lịch sử nhân loại, nảy sinh do nhu cầu của đời sống xã hội. Đây là một phạm trù đặc trưng của xã hội loài người, đề cập đến mối quan hệ và các quy tắc ứng xử trong tất cả các hoạt động của con người trong đó có hoạt động kinh doanh. Con người cần tự giác nhận thức và điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với các chuẩn mực đạo đức đã được hình thành và tồn tại trong xã hội đó. Từ đó hướng con người vươn tới điều tốt, làm những việc lương thiện để xã hội nhân văn hơn.

Theo tác giả, *đạo đức là hệ thống những giá trị và các chuẩn mực xã hội mà con người dựa vào đó để tự giác điều chỉnh hành vi của bản thân sao cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng và xã hội.*

2.1.1.2. Kinh doanh

Kinh doanh là lĩnh vực có liên quan mật thiết với đời sống hàng ngày, một dạng hoạt động cơ bản của con người. Hiểu theo nghĩa chung nhất, kinh

doanh là hoạt động làm giàu của con người trên thương trường. Dưới góc độ kinh tế, kinh doanh là một phạm trù gắn liền với sản xuất hàng hóa, là tổng thể các hình thức, biện pháp tổ chức các hoạt động kinh tế, phản ánh mối quan hệ giữa con người với con trong quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng nhằm mục đích thu lại nhiều hơn số vốn bỏ ra ban đầu. Kinh doanh gồm ba lĩnh vực là sản xuất hàng hóa, buôn bán và dịch vụ.

2.1.1.3. Đạo đức kinh doanh

Đạo đức kinh doanh là một phần rất quan trọng của xã hội, là đạo đức được vận dụng vào các hoạt động và quan hệ kinh doanh. Nếu coi đạo đức là cái chung thì đạo đức kinh doanh là cái đặc thù, biểu hiện riêng của đạo đức xã hội trong lĩnh vực kinh doanh.

Đạo đức kinh doanh là một hệ thống các nguyên tắc, chuẩn mực xã hội cơ bản có tác dụng đánh giá, hướng dẫn và điều chỉnh, kiểm soát hành vi của các chủ thể trong hoạt động kinh doanh (có thể là một cá nhân, một nhóm người hay một nhóm nghề nghiệp nhất định) một cách tự giác, tự nguyện.

2.1.1.4. Giáo dục đạo đức kinh doanh

Kinh doanh là lĩnh vực có liên quan mật thiết tới đời sống thường ngày của con người. Vì vậy GD ĐĐKD là một phần rất quan trọng của xã hội nói chung và của đạo đức xã hội nói riêng.

Vì vậy có thể hiểu: *GD ĐĐKD là quá trình giáo dục tác động đến các chủ thể trong nền kinh tế để hình thành cho họ ý thức, thái độ, nguyên tắc và hành vi đạo đức kinh doanh phù hợp với các giá trị, chuẩn mực đạo đức kinh doanh của xã hội hiện nay.*

2.1.2. Một số vấn đề lý luận về giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT hiện nay

2.1.2.1. Ưu thế của dạy học môn GDCD đối với việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS ở trường THPT

Đối với môn GDCD, mục tiêu không chỉ là "dạy chữ" mà còn hướng tới mục tiêu quan trọng nữa là "dạy người" nhằm hình thành và định hướng những giá trị tốt đẹp cho nhân cách người công dân trong xã hội. Do đó, thông qua mỗi bài dạy, tiết học người GV GDCD phải tích cực giáo dục, bồi dưỡng để giúp cho mỗi HS hình thành được cho mình lẽ sống, lí tưởng và niềm tin lành mạnh. Giáo dục để các em trở thành những công dân có ích cho bản thân, gia đình và xã hội, luôn có ý thức trách nhiệm trước tương lai của bản thân và tiền đồ của đất nước, dân tộc... Đây cũng là một trong những điểm đặc thù và cũng là thế mạnh tạo nên ưu thế của môn GDCD trong việc giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS THPT ở trường phổ thông so với các môn học khác.

2.1.2.2. Tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD là phù hợp với xu hướng của dạy học hiện đại

Tích hợp là một trong những quan điểm giáo dục đã trở thành xu thế trong xây dựng chương trình môn học ở nhiều nước trên thế giới. Có 3 hình thức tích hợp chủ yếu sau: Tích hợp toàn phần, hình thức lồng ghép, hình thức liên hệ. Việc đưa nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh vào quá trình dạy học môn GDCD chính là hình thức tích hợp lồng ghép, liên hệ bởi trong chương trình GDCD hiện nay không có bài học về đạo đức kinh doanh.

2.1.2.3 Nhân tố ảnh hưởng đến việc giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở trường THPT

Việc giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD được tiến hành hiệu quả hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đoa bao gồm các yếu tố chủ quan và khách quan. Yếu tố chủ quan thuộc về GV và HS, yếu tố khách quan là những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến quá trình tổ chức, thực hiện như: không gian dạy học, phương tiện vật chất hiện đại...

2.2. Cơ sở thực tiễn của việc giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT hiện nay

2.2.1. Thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT

2.2.1.1. Về nội dung giáo dục

2.2.1.2. Về hình thức và phương pháp giáo dục

2.2.1.3. Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS trong giáo dục đạo đức kinh doanh ở trường THPT

2.2.2. Đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức kinh doanh trong môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông

2.2.2.1. Đánh giá kết quả điều tra thực trạng

Qua kết quả điều tra thực trạng GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT hiện nay cho thấy một số kết quả đạt được và hạn chế sau đây:

Những kết quả đạt được: Đa số GV và HS đều nhận thức đúng đắn về vai trò, sự cần thiết của nội dung tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở THPT đối với quá trình rèn luyện, phát triển nhân cách, đạo đức, lối sống của HS. Phần lớn GV đã chủ động, tích cực tiếp cận các nguồn tài liệu, cập nhật các thông tin liên quan đến nghiệp vụ sư phạm và liên quan đến nội dung bài học, tích cực đổi mới hình thức, phương pháp dạy học ...tích cực tìm tòi, sưu tầm, thiết kế các phương tiện dạy học; đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS;... Qua đó, giúp cho HS đạt được một số kết quả tích cực, được thể hiện qua nhận thức và hành động của các em.

Những hạn chế, tồn tại: nhiều GV giảng dạy còn nặng về lý thuyết, chưa giúp HS có khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn, chưa xác định rõ nội dung và địa chỉ tích hợp GDĐĐKD... Nhiều HS chưa hứng thú trong các bài học GDCD. Tâm lý học đối phó cho qua vẫn còn phổ biến ở một bộ phận không nhỏ HS THPT.

2.2.2.2. Nguyên nhân của thực trạng

Thứ nhất, là do chương trình, sách giáo khoa môn GDCD hiện hành còn dàn trải, chưa cô đọng, các khái niệm còn khô khan khó phù hợp với khả năng nhận thức của HS. Nội dung môn GDCD có nhiều kiến thức để tích hợp các chủ đề nhưng vẫn chưa có nội dung cụ thể về GDĐĐKD...

Thứ hai, việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá chưa thực sự chuyển biến, nhiều khi còn dừng ở hình thức...

Thứ ba, việc thiếu vắng những tài liệu, công trình nghiên cứu về tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở THPT hiện nay cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng nói trên.

2.2.3. Một số vấn đề đặt ra đối với việc tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT hiện nay

Qua khảo sát cho thấy sự cần thiết phải tiến hành tích hợp nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh vào môn học. Tuy nhiên để làm được điều đó người GV cần phải trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học, đồng thời phải thường xuyên nghiên cứu, trau dồi kiến thức, cải tiến phương pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học. Cần tìm hiểu, nắm vững nội dung chương trình, mục tiêu dạy học cũng như những đặc trưng cơ bản của môn GDCD trong nhà trường. Từ đó, người GV sẽ biết vận dụng, lồng ghép những nội dung hay có ý nghĩa thiết thực vào từng đơn vị kiến thức của môn học một cách đúng lúc, đúng chỗ sao cho những nội dung ấy được vận dụng trong đời sống thực tiễn, nhất là nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh.

Chương 3
NGUYÊN TẮC VÀ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH TRONG DẠY HỌC GDCD Ở CÁC TRƯỜNG THPT HIỆN NAY

3.1. Nguyên tắc tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT

3.1.1. Đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu bài học

Nội dung và cấu trúc chương trình GDCD ở THPT không có bài riêng về đạo đức kinh doanh. Song mục tiêu giáo dục của môn học lại hàm chứa nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh. Do đó, khi tích hợp nội dung giáo dục ĐĐKD, giáo viên phải đặc biệt tuân thủ mục tiêu dạy học ở mỗi bài học cũng như toàn bộ chương trình. Nếu tích hợp không bám sát mục tiêu bài học sẽ xảy ra trường hợp chỉ sa đà vào nội dung GDĐĐKD. Hoặc một số GV chỉ chú ý đến nội dung bài học, không quan tâm đến nội dung và phương pháp GDĐĐKD.

Để thực hiện nguyên tắc đảm bảo mục tiêu bài học, khi tích hợp GDĐĐKD trong dạy học GDCD ở THPT, người GV cần lưu ý một số vấn đề như sau:

- *Thiết kế nội dung tích hợp:* GV cần phải tổ chức các đơn vị kiến thức để biến thành một bài học.

- *Bám chắc mục tiêu bài học:* GV không làm thay đổi tính đặc trưng của môn học, kiến thức GDĐĐKD được tiềm ẩn trong nội dung bài học phải có mối quan hệ lôgic chặt chẽ với kiến thức sẵn có trong bài học. Các kiến thức của bài học được coi như là cơ sở cho kiến thức GDĐĐKD.

- *Lựa chọn nội dung, đơn vị kiến thức phù hợp:* GV cần khai thác nội dung GDĐĐKD có chọn lọc, có tính hệ thống tập trung vào từng phần, bài, mục nhất định.

3.1.2. Giáo dục đạo đức kinh doanh phải được thực hiện một cách sinh động, hấp dẫn, gắn lí luận với thực tiễn

Để đảm bảo nguyên tắc tính thực tiễn trong GDĐĐKD nói riêng cũng như trong dạy học GDCD cho học sinh THPT nói chung cần lưu ý ở các khía cạnh sau:

- Khi tích hợp nội dung GDĐĐKD, GV cần làm rõ cơ sở thực tiễn của vấn đề, dùng các ví dụ, hình ảnh, thông tin, sự kiện,... trong thực tiễn để minh hoạ cho nội dung truyền thụ.

- Trong dạy học từng nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh, GV cần bám sát vào nội dung của môn GDCD để liên hệ nội dung GDĐĐKD với những tình huống, những vấn đề đã và đang nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.

- Tổ chức hoạt động dạy học và sử dụng các phương pháp dạy học tích cực theo hướng phát triển năng lực cho người học

Tính thực tiễn của bài dạy tích hợp GDĐĐKD đòi hỏi GV lựa chọn, sử dụng các biện pháp sư phạm nhằm khuyến khích HS vận dụng, mang những điều đã học vào trải nghiệm, ứng xử trong cuộc sống hàng ngày. Bên cạnh đó, thông qua các biện pháp sư phạm GV phải giúp HS thấy được vai trò, ý nghĩa thực tiễn của các chủ đề GDĐĐKD.

3.1.3.Giáo dục đạo đức kinh doanh phải đảm bảo tính vừa sức và tính định hướng trong môn học

Để đảm bảo nguyên tắc tính vừa sức thì cần phải thực hiện các yêu cầu cơ bản sau:

Một là, xác định khối lượng, mức độ kiến thức trong dạy học.

Hai là, GV cần căn cứ vào từng điều kiện cụ thể để lựa chọn các chủ đề tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh cho phù hợp với khả năng nhận thức của HS. Từ đó, GV sử dụng các phương pháp dạy học và các kỹ thuật dạy học cũng như cách thức tổ chức dạy học thích hợp với từng đối tượng HS.

Ba là, GV cần nắm bắt và hiểu rõ được những đặc điểm tâm, sinh lí của HS...để xác định khối lượng kiến thức và ngôn ngữ, cách trình bày, diễn đạt cho HS dễ hiểu, dễ liên hệ.

Bốn là, việc đảm bảo nguyên tắc tính vừa sức trong dạy học môn GDCD đòi hỏi giáo viên phải chú ý tới đối tượng là học sinh cá biệt

3.1.4. Phát huy tính tích cực, chủ động và vốn kinh nghiệm thực tế của HS

Đảm bảo huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS trong quá trình tích hợp GDĐĐKD cũng như trong quá trình DH môn GDCD, GV phải luôn tạo điều kiện, thúc đẩy HS tham gia một cách tích cực, chủ động, sáng tạo vào quá trình dạy học, từng bước biến quá trình dạy học thành quá trình tự học của HS. Trong quá trình này, HS là chủ thể hoạt động học, GV là người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn. Các biện pháp sư phạm được GV lựa chọn, sử dụng phải bảo đảm tạo điều kiện, thúc đẩy các hoạt động học tập cho HS.

3.2. Biện pháp tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở trường THPT

3.2.1. Lựa chọn nội dung trong bài học GDCD để tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh cho phù hợp

Môn GDCD có 5 phần nhưng không phải phần nào, bài nào, nội dung nào cũng tích hợp được nội dung giáo dục đạo đức kinh doanh. Phải tùy vào nội dung của từng bài, từng mục mà GV tích hợp cho phù hợp, không gượng ép. Việc tích hợp phải đảm bảo đặc trưng của môn học. Không biến giờ học thành giờ trình bày về giáo dục đạo đức kinh doanh mà giáo dục đạo đức kinh doanh chỉ là một nội dung được tích hợp một cách tự nhiên hài hòa trong các đơn vị kiến thức của môn học, không làm tăng nội dung học tập dẫn đến quá tải.

3.2.2. Sử dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở THPT

3.2.2.1. Phương pháp nêu gương

Nêu gương là phương pháp sử dụng những điển hình, những tấm gương mẫu mực "người tốt, việc tốt" cụ thể sinh động trong đời sống để kích thích tính tích cực, tự giác của học sinh.

Khi sử dụng phương pháp nêu gương để đạt hiệu quả giáo dục tốt thì GV bộ môn cần lưu ý:

- Lựa chọn tấm gương điển hình, phù hợp đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi tạo ra ấn tượng tốt, cảm xúc mạnh để kích thích thái độ, tình cảm lành mạnh ở HS.

- Khi nêu gương cần phải giới thiệu sự kiện, phân tích nguyên nhân, ý nghĩa, những bài học rút ra từ những tấm gương đó, nhằm giúp HS nhận thức đầy đủ ý nghĩa và có ý thức noi theo. Cần khách quan, công bằng, đúng mực khi nêu gương. .

- Những tấm gương giáo dục cần phải có nguồn gốc rõ ràng, cụ thể sinh động, không trừu tượng.

Trong khi sử dụng phương pháp nêu gương, giáo viên cũng nên sử dụng những gương xấu khi lợi dụng những thủ đoạn phi pháp để đạt được lợi nhuận về cho bản thân mình. Qua đó, thấy được những hậu quả từ việc thực hiện những hành vi trái đạo đức trong kinh doanh như: phạt hành chính, phạt hình sự… để dăn đe, ngăn chặn học sinh không được "bắt chước" những hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh đó.

3.2.2.2. Phương pháp nghiên cứu trường hợp

Các trường hợp được lựa chọn từ những tình huống thực tiễn, hoặc những tình huống có thể xảy ra. Khi xây dựng một trường hợp cần bao gồm những nội dung:

- Phần mô tả trường hợp: Các trường hợp cần được mô tả rõ ràng và cần thực hiện các chức năng lí luận dạy học như: trường hợp cần chứa đựng vấn đề và có xung đột; trường hợp cần có nhiều cách giải quyết;...

- Phần nhiệm vụ: Xác định những nhiệm vụ học sinh cần giải quyết khi nghiên cứu trường hợp. Các nhiệm vụ cần xác định rõ ràng, vừa sức với học sinh và nhằm mục tiêu của bài học.

- Phần yêu cầu và kết quả: Phần này đưa ra những yêu cầu cần thực hiện được trong khi nghiên cứu trường hợp. Việc đưa ra những yêu cầu nhằm định hướng cho việc nghiên cứu trường hợp.

3.2.2.3. Phương pháp đóng vai

Đóng vai là một trong những phương pháp dạy học mang tính chất tương tác giữa GV và HS, giữa HS với HS, giữa HS với môi trường học tập. Nó khuyến khích HS thâm nhập vào đời sống thực tế và thử đặt mình vào các vị trí khác nhau để giải quyết các tình huống cụ thể của cuộc sống.

Sử dụng phương pháp đóng vai trong dạy học GDCD nói chung và trong GD ĐĐKD nói riêng sẽ giúp HS được rèn luyện, thực hành kĩ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trước khi thực hành trong thực tiễn. Hơn nữa, đây còn là phương pháp dạy học khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của các em theo hướng tích cực, rèn luyện cho HS kĩ năng giải quyết vấn đề, chủ động xử lí tình huống trong thực tế, góp phần phát triển óc sáng tạo, thúc đẩy động cơ và hiệu quả học tập.

3.2.2.4. Phương pháp dạy học nêu vấn đề

Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề (problem solving method) hay dạy học dựa trên vấn đề (problem based learning) hoặc dạy học đặt và giải quyết vấn đề (problem posingand solving) là phương pháp trong đó giáo viên đặt ra trước học sinh một (hay một hệ thống) vấn đề nhận thức, chuyển học sinh vào tình huống có vần đề, sau đó giáo viên phối hợp cùng với học sinh (hoặc hướng dẫn, điều khiển cho học sinh) giải quyết vấn đề, đi đến kết luận cần thiết của nội dung học tập.

Khi thực hiện phương pháp dạy học nêu vấn đề, GV cần lưu ý đến các yêu cầu sau:

Thứ nhất, lựa chọn các kiểu dạy học nêu vấn đề ở mực độ khó dễ khác nhau phù hợp với trình độ nhận thức và khả năng giải quyết của HS.

Thứ hai, tình huống có vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với nội dung của bài học GDCD và kích thích được trí tò mò, ham hiểu biết và sự sáng tạo của HS.

Thứ ba, tình huống có vấn đề được tạo ra phải chứa đựng mâu thuẫn, phù hợp với nội dung bài học và tạo được sự hứng khởi trong tiếp nhận và giải quyết tình huống. Tình huống có vấn đề có thể được cả lớp giải quyết hoặc thông qua các nhóm học tập.

Thứ tư, khai thác được sự hỗ trợ của phương tiện, thiết bị dạy học nhằm tạo ra tính phong phú, đa dạng của tình huống.

Thứ năm, chú trọng đến tính độc lập, tự lực của HS trong quá trình tiếp nhận và giải quyết tình huống dưới sự hướng dẫn của GV.

3.2.2.5. Phương pháp thảo luận nhóm

Việc vận dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giáo dục đạo đức kinh doanh sẽ giúp kiến thức của HS giảm bớt tính chủ quan, phiến diện và tăng tính khách quan khoa học. Nhờ không khí thảo luận cởi mở giúp HS thoải mái, tự tin hơn trong việc trình bày ý kiến của mình và biết lắng nghe có phê phán ý kiến của các thành viên khác. Qua đó, vốn hiểu biết và kinh nghiệm xã hội của HS thêm phong phú, kĩ năng giao tiếp, hợp tác của HS được bồi dưỡng và phát triển.

3.2.3. Biện pháp tổ chức hoạt động dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh trong dạy học GDCD ở THPT

3.2.3.1. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về hoạt động sản xuất, kinh doanh

Để thực hiện hoạt động này, GV có thể tổ chức các giờ học ngoại khóa, có thể liên hệ trực tiếp các cơ sở sản xuất, kinh doanh có uy tín, có đạo đức trên địa bàn để đưa HS tới tìm hiểu về quá trình sản xuất, kinh của từng doanh nghiệp, từng công ty.

3.2.3.2. Hoạt động hướng dẫn học sinh tìm hiểu về thị trường

Hoạt động GV hướng dẫn HS tìm hiểu về thị trường nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS là rất cần thiết và rất có ý nghĩa thực tiễn. Tuy nhiên trong phân phối chương trình thì số tiết dành cho các tiết học ngoại khóa lại ít, chỉ có một tiết học trong một kì nên GV có thể hướng dẫn HS tự quan sát, tìm hiểu về thị trường dưới nhiều hình thức như: GV yêu cầu các em tự tìm hiểu về hoạt động của thị trường giản đơn như chợ, các tụ điểm mua bán, các cửa hàng tạp hóa… Nhận xét về chủng loại, mẫu mã, chất lượng và giá cả hàng hoá cũng như nguồn gốc các mặt hàng có bán tại các thị trường đó...Qua đó, GV giúp HS hình

thành kỹ năng và văn hoá trong tiêu dùng hướng đến những sản phẩm có chất lượng và an toàn, giá cả hợp lý, biết lên tiếng với những nơi bán sản phẩm kém chất lượng, vi phạm đạo đức kinh doanh.

3.2.3.3. Hoạt động trải nghiệm

Hoạt động trải nghiệm được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, mỗi hình thức hoạt động đều mang ý nghĩa giáo dục nhất định. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả GDĐĐKD trong dạy học GDCD, GV có thể tổ chức một số hoạt động trải nghiệm phù hợp với nội dung môn học như: hoạt động tham quan, dã ngoại; Tổ chức các hội thi – cuộc thi; Hoạt động giao lưu.

3.2.4. Sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức kinh doanh

Khi sử dụng các phương tiện dạy học thông dụng như sách giáo khoa, tranh, ảnh, phiếu học tập, sơ đồ, bảng số liệu, âm thanh, phim... GV bộ môn phải nắm vững đặc điểm, yêu cầu, cách sử dụng đối với từng loại phương tiện dạy học. Việc kết nối qua công nghệ thông tin và truyền thông còn giúp cho GV nhanh chóng thu được thông tin phản hồi từ HS, gần gũi và nắm bắt được diễn biến tâm lý của người học, đa số HS tỏ ra tự tin, mạnh dạn hơn so với trao đổi trực tiếp ở trên lớp học.

3.2.5. Biện pháp kiểm tra, đánh giá

Để đảm bảo đánh giá kết quả học tập của HS trong GDĐĐKD ở trường THPT, cần phải thực hiện một số biện pháp cụ thể sau đây:

Một là, dựa trên đặc trưng môn học cần sử dụng đa dạng các biện pháp kiểm tra, đánh giá .

Hai là, cần tuân thủ quy định xây dựng đề kiểm tra.

Ngoài ra, GV có thể thực hiện kiểm tra, đánh giá thông qua các hoạt động trải nghiệm vì tổ chức hoạt động trải nghiệm là hình thức dạy học hiệu quả rèn luyện kỹ năng và năng lực của HS, gắn lí luận với thực tiễn tại địa điểm học tập tham quan, thực tế.

Chương 4
THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

4.1. Kế hoạch thực nghiệm sư phạm

4.1.1. Mục đích thực nghiệm sư phạm

Thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp GD ĐĐKD trong dạy học môn GDCD ở trường THPT hiện nay.

4.1.2. Nguyên tắc tiến hành thực nghiệm sư phạm

Quá trình tiến hành thực nghiệm sư phạm phải tuân thủ các nguyên tắc:

Thứ nhất, về nội dung kiến thức. Phải đảm bảo chất lượng tri thức khoa học, khách quan, bám sát chương trình đào tạo và sách giáo khoa GDCD lớp 10, lớp 11, lớp 12 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thứ hai, về đối tượng thực nghiệm. Phải đảm bảo tính đa dạng của các trường thực nghiệm và chuẩn trình độ nghiệp vụ của các GV dạy thực nghiệm ở các trường THPT.

Thứ ba, về đánh giá kết quả thực nghiệm. Phải đảm bảo tính khách quan, toàn diện và nhất quán trong quá trình đánh giá giữa hai nhóm lớp thực nghiệm và đối chứng.

4.1.3. Đối tượng thực nghiệm sư phạm

Trong thời gian thực nghiệm, lựa chọn mỗi trường 2 lớp (1 lớp thực nghiệm và 1 lớp đối chứng). Ở học kỳ một, lựa chọn 10 lớp thuộc 5 trường (5 lớp thực nghiệm với tổng số 192 HS và 5 lớp đối chứng với tổng số 189 HS); Học kỳ hai cũng lựa chọn 10 lớp thuộc 5 trường (5 lớp thực nghiệm với tổng số 195 HS và 5 lớp đối chứng với tổng số 195 HS). Tổng số lớp thực nghiệm và đối chứng là 20 lớp (10 lớp thực nghiệm và 10 lớp đối chứng), tổng số HS tham gia ở các lớp thực nghiệm là 387 HS, lớp đối chứng là 384 HS.

4.1.4. Giáo viên thực nghiệm sư phạm

GV dạy thực nghiệm được đào tạo đúng chuyên ngành Giáo dục chính trị ở các trường Đại học Sư phạm, năng lực chuyên môn vững vàng, có thâm niên giảng dạy từ 4 năm trở lên, có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm và nhiệt tình trong công việc, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, nhiệt tình ủng hộ và tích cực tham gia quá trình đổi mới PPDH ở trường THPT.

4.1.5. Nội dung thực nghiệm sư phạm

Bài soạn giảng để tổ chức thực nghiệm và đối chứng là những kiến thức môn giáo dục công dân lớp 10, lớp 11 và lớp 12 như bảng 4.2

Bảng 4.2. Nội dung dạy thực nghiệm

TT	Nội dung	Số tiết
1	**Bài 10: Quan niệm về đạo đức (GDCD lớp 10)** 1.Quan niệm về đạo đức 2. Vai trò của đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân, gia đình và xã hội.	01
2	**Bài 4: Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa (GDCD lớp 11)** 1. Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh 2. Mục đích của cạnh tranh và các loại cạnh tranh 3. Tính hai mặt của cạnh tranh	01
3	**Bài 4: Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội (GDCD lớp 12)** ***Tiết 2*** 2. Bình đẳng trong lao động	01

Sau khi chọn được các bài thực nghiệm, tác giả tiến hành thiết kế giáo án môn GDCD lớp 10, lớp 11 và lớp 12 có sử dụng các biện pháp được đề xuất (phụ lục). Giáo án được thiết kế chi tiết để các GV dễ sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, trong đó phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề và thảo luận nhóm là chủ đạo. Trong thiết kế giáo án, có tính đến sự sáng tạo của GV trong quá trình tổ chức dạy học trên lớp và khả năng tiếp thu bài học, đặc thù của HS từng lớp, từng trường THPT trên các địa bàn khác nhau.

4.2. Phương pháp thực nghiệm sư phạm và quá trình chuẩn bị

4.2.1. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Trước khi dạy thực nghiệm, GV kiểm tra mức độ nhận thức của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng bằng bài kiểm tra 45 phút, lấy đó làm cơ sở dữ liệu so sánh với mức độ nhận thức của HS trước và sau khi dạy thực nghiệm. Sau khi trao đổi thảo luận với các GV tham gia thực nghiệm và những GV là cộng tác viên, tác giả đã chỉnh sửa, hoàn thiện kế hoạch DH (giáo án), hệ thống câu hỏi kiểm tra và tiến hành dạy thực nghiệm lần 1. Ở các lớp đối chứng, GV chủ động dạy theo giáo án tự soạn.

Sau khi dạy thực nghiệm lần 1, tổ chức thảo luận rút kinh nghiệm, lấy ý kiến góp ý của GV và HS. Trên cơ sở kết quả thảo luận, tiếp tục hoàn thiện kế hoạch DH, câu hỏi để tiến hành dạy thực nghiệm lần 2. Sau khi kết thúc dạy thực nghiệm lần 2, chúng tôi đã tập hợp kết quả kiểm tra của khối

lớp thực nghiệm và khối lớp đối chứng, mời GV dạy thực nghiệm và GV cộng tác thảo luận, đánh giá tính khả thi của các biện pháp sư phạm.

4.2.2. Quá trình chuẩn bị thực nghiệm sư phạm

4.2.2.1. Chọn trường thực nghiệm

Tôi đã liên hệ với các GV ở các trường THPT trên địa bàn một số tỉnh như trường THPT Xuân Đỉnh (Quận Từ Liêm, thành phố Hà Nội), trường THPT Minh Khai (Quận Từ Liêm, thành phố Hà Nội), trường THPT chuyên Sơn La (Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La), trường THPT Thuận Châu (Huyện Thuận Châu, Sơn La), trường THPT Chiềng Sơn (huyện Mộc Châu – Sơn La), trường THPT chuyên Bình Long (thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước), trường THPT Nguyễn Chí Thanh (huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng), Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (huyện Vĩnh Bảo – Hải Phòng), trường THPT Lý Thường Kiệt, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, trường THPT Hoàng Hoa Thám, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa làm nơi TN.

4.2.2.2. Chọn đối tượng thực nghiệm và đối chứng

Đối tượng thực nghiệm và đối chứng đều là HS lớp 10, lớp 11, lớp 12. Việc lựa chọn lớp thực nghiệm và đối chứng dựa trên kết quả khảo sát, kiểm tra đầu vào của HS để làm làm căn cứ đánh giá sự phát triển mức độ nhận thức về đạo đức kinh doanh và khả năng vận dụng, liên hệ thực tế của HS sau khi học xong mỗi chủ đề/bài học.

4.2.2.3. Chuẩn bị các điều kiện để thực nghiệm

Chuẩn bị phòng dạy học; phương tiện và thiết bị hỗ trợ dạy học, chương trình, tài liệu phục vụ cho dạy và học thực nghiệm, kế hoạch dạy học (giáo án) các chủ đề, nội dung có thể tích hợp giáo dục đạo đức kinh doanh; phòng họp rút kinh nghiệm.

4.2.2.4. Xây dựng thang đánh giá

Trong quá trình dạy thực nghiệm, sau mỗi chủ đề/bài học chúng tôi đều tiến hành đánh giá mức độ nhận thức của HS như bảng 4.3.

Bảng 4.3: Thang đánh giá mức độ nhận thức của HS khi tích hợp GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT

TT	Mức NL	Điểm số	Đánh giá
	Mức 1 (M1)	0-4	Yếu, kém
	Mức 2 (M2)	5-6	Trung bình
	Mức 3 (M3)	7-8	Khá, giỏi
	Mức 4 (M4)	9-10	Xuất sắc

4.2.2.5. Phương pháp xử lý kết quả thực nghiệm

Sau khi có số liệu, tác giả tổng hợp và xử lý kết quả theo phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục. Chúng tôi đã tiến hành đo kiến thức, kỹ năng (bằng bài kiểm tra) và thái độ HS sau tác động (bằng bảng hỏi). Các dữ liệu thu thập được đã được chúng tôi nghiên cứu xử lí theo các thao tác của *phương pháp nghiên cứu tác động* (action research).

4.3. Tiến hành thực nghiệm sư phạm và đánh giá kết quả thực nghiệm

4.3.1. Thực nghiệm lần 1

4.3.1.1. Khảo sát năng lực đầu vào

Căn cứ vào các số liệu cho thấy: không có sự khác biệt lớn về điểm số giữa nhóm lớp đối chứng và nhóm lớp thực nghiệm. Tỷ lệ HS đạt mức 1 đều có ở cả hai nhóm lớp (đối chứng là 8.47%, thực nghiệm là 9.90%), tỷ lệ HS đạt mức 2 ở cả hai nhóm lớp không có sự khác biệt lớn (đối chứng là 61.38%, thực nghiệm là 62.49%), tỷ lệ HS đạt mức 3 ở cả hai nhóm lớp ngang nhau (đối chứng là 29.09%, thực nghiệm là 27.08%), HS đạt mức 4 có xuất hiện nhưng chiếm tỷ lệ thấp (đối chứng là 1.06%, thực nghiệm là 0.53%). Giá trị điểm xuất hiện nhiều nhất ở cả 2 nhóm là mod = 6, điểm nằm ở giữa trong tập hợp điểm là 6.

4.3.1.2. Kết quả thực nghiệm lần 1

- *Kết quả bài kiểm tra số 1*

Viêc tiến hành thực nghiệm lần 1 vào học kỳ 1 năm học 2016-2017. Sau khi kết thúc dạy thực nghiệm chủ đề thứ nhất**,** chúng tôi đánh giá mức độ nhận thức của HS ở cả hai nhóm thực nghiệm và đối chứng qua bài kiểm tra số 1 và kết quả thu được như sau:

Tỷ lệ HS đạt mức 1 (<5): nhóm lớp thực nghiệm chiếm 1.04%, nhóm lớp đối chứng chiếm 5.29%.

Tỷ lệ HS đạt mức 2 (điểm 5-6): nhóm lớp thực nghiệm chiếm 39.07%, nhóm lớp đối chứng chiếm 63.49%.

Tỷ lệ HS đạt mức 3 (điểm7-8): nhóm lớp thực nghiệm chiếm 54.69% trong khi nhóm lớp đối chứng chỉ đạt 30.69%.

Tỷ lệ HS đạt mức 4 (điểm 9-10): nhóm lớp thực nghiệm chiếm 5.20%, nhóm lớp đối chứng chỉ đạt 0.53%.

Kết quả bài kiểm tra số 1 cho thấy, sau khi dạy thực nghiệm chủ đề thứ nhất, độ chênh lệch điểm giữa 2 nhóm lớp đã xuất hiện. Tra bảng Cohen cho thấy mức độ tác động sư phạm trong dạy thực nghiệm chủ đề

thứ nhất mới đạt mức độ trung bình. Đây là cơ sở cho chúng tôi tiến hành dạy thực nghiệm chủ đề thứ hai.

- Kết quả bài kiểm tra số 2 trong thực nghiệm lần 1

Qua số liệu tổng hợp các loại điểm và mức độ nhận thức của HS nhóm lớp thực nghiệm và nhóm lớp đối chứng đã cho thấy các giá trị đạt được sau khi dạy thực nghiệm chủ đề thứ 2 khác biệt nhiều so với chủ đề thứ nhất; trong đó các giá trị tích cực thiên về lớp thực nghiệm, cụ thể:

Tỷ lệ HS đạt mức 1(điểm <5): ở lớp thực nghiệm không có HS nào nằm ở mức 1 trong khi ở nhóm lớp đối chứng vẫn có 3.70% HS bị đánh giá ở mức 1. Tỷ lệ HS đạt mức 2 (điểm 5-6) ở lớp thực nghiệm giảm còn 28.64%; trong khi đó, ở nhóm lớp đối chứng tỷ lệ này vẫn khá cao là 64.02% cao gấp hơn 2 lần so với nhóm lớp thực nghiệm. Tỷ lệ HS đạt mức 3 (7-8) ở lớp thực nghiệm chiếm tỷ lệ khá cao là 61.46%, trong khi đó, nhóm lớp đối chứng chỉ đạt 30.69%. Tỷ lệ HS đạt mức 4 (điểm 9-10) ở nhóm lớp thực nghiệm đã tăng lên 9.89%. Ở nhóm lớp đối chứng điểm giỏi đã tăng so với bài kiểm tra số 1 nhưng mới chỉ đạt 1.59%.

Kết quả bài kiểm tra số 2 cho thấy, sau khi dạy thực nghiệm chủ đề thứ hai, độ chênh lệch điểm giữa 2 nhóm lớp tiếp tục tăng lên. Tra bảng Cohen cho thấy mức độ tác động sư phạm trong dạy thực nghiệm chủ đề thứ hai đạt mức lớn. Những kết quả nói trên đã góp phần khẳng định các biện pháp giáo dục đạo đức kinh doanh trong môn GDCD đã mang lại hiệu quả tích cực.

4.3.2. Thực nghiệm lần 2

4.3.2.1. Khảo sát năng lực đầu vào

Trước khi tiến hành thực nghiệm lần 2, chúng tôi tiếp tục khảo sát mức độ nhận thức đầu vào của HS hai nhóm đối chứng và thực nghiệm. Kết quả khảo sát cho thấy: điểm số giữa hai nhóm lớn thực nghiệm và đối chứng là tương đương nhau. Tỷ lệ HS đạt mức 1 đều có ở cả hai nhóm lớp (Thực nghiệm là 9.74% và đối chứng là 8.20%), tỷ lệ HS đạt mức 2 ở cả hai nhóm lớp không có sự khác biệt (Thực nghiệm là 60.01% và đối chứng là 59.50%), tỷ lệ HS đạt mức 3 ở cả hai nhóm lớp ngang nhau (Thực nghiệm là 29.74%, đối chứng là 31.29%), số HS đạt mức 4 có xuất hiện nhưng chiếm tỷ lệ thấp (Thực nghiệm là 0.51%, đối chứng là 1.02%). Giá trị điểm xuất hiện nhiều nhất ở cả 2 nhóm là mod = 6, điểm nằm ở giữa trong tập hợp điểm là 6.

Như vậy, qua kết quả khảo sát đầu vào của hai nhóm lớp đối chứng và thực nghiệm cho thấy mức độ nhận thức của HS trước khi có tác động sư phạm trong thực nghiệm lần 2 là tương đương nhau, đây là cơ sở khách quan để chúng tôi đánh giá kết quả thực nghiệm lần 2.

4.3.2.2. Kết quả thực nghiệm lần 2

- Kết quả bài kiểm tra số 1

Qua số liệu tổng hợp đã chỉ ra sự khác biệt về mức điểm của HS nhóm đối chứng và HS nhóm thực nghiệm sau khi tiến hành dạy thực nghiệm chủ đề số 1 (trong thực nghiệm lần 2), cụ thể:

Tỷ lệ HS bị đánh giá ở mức 1 (<5) ở nhóm lớp đối chứng là 5.64% trong khi ở nhóm lớp thực nghiệm là 1.03%. Như vậy, mặc dù đã giảm nhiều so với bài kiểm tra đầu vào nhưng tỷ lệ HS ở mức 1 của nhóm lớp đối chứng vẫn cao hơn 5 lần lần so với nhóm lớp thực nghiệm.

Tỷ lệ HS đạt mức 2 (điểm 5.6): ở nhóm lớp lớp đối chứng chiếm 60.51% trong khi ở nhóm lớp thực nghiệm chiếm 38.46%.

Tỷ lệ HS đạt mức 3 (điểm7.8): ở nhóm lớp đối chứng là 32.31%, còn ở nhóm lớp thực nghiệm chiếm 54.87%.

Tỷ lệ HS đạt mức 4 (điểm 9,10): ở nhóm lớp đối chứng có tăng lên so với bài kiểm tra đầu vào nhưng không đáng kể là 1.54%, còn ở nhóm lớp thực nghiệm là 5.64%.

- Kết quả bài kiểm tra thứ 2 trong thực nghiệm lần 2

Qua các bảng số liệu cho thấy các giá trị đạt được sau khi dạy thực nghiệm chủ đề thứ 2 khác biệt nhiều so với chủ đề thứ nhất; trong đó các giá trị tích cực thiên về lớp thực nghiệm, cụ thể:

Ở nhóm lớp đối chứng vẫn có 3.59% HS bị đánh giá ở mức 1(điểm <5), tuy đã giảm 2.05% so với tỷ lệ 5.64% trong bài kiểm tra số 1, nhóm thực nghiệm không có HS nào bị đánh giá ở mức 1. Tỷ lệ HS đạt mức 2 (điểm 5-6): ở nhóm lớp đối chứng tỷ lệ này chiếm 58.97 %, chỉ giảm 0.54 % so với kết quả bài kiểm tra số 1 trước đó, trong khi ở lớp thực nghiệm giảm 10.25% so với kết quả bài kiểm tra số 1, còn 28.21%. Tỷ lệ HS đạt mức 3 (điểm 7-8): nhóm lớp đối chứng chỉ đạt 35.39%, tăng 3.08% so với kết quả bài kiểm tra số 1, còn ở lớp thực nghiệm chiếm 62.57%, tăng 7.7% so với kết quả bài kiểm tra số 1. Tỷ lệ HS đạt mức 4 (điểm 9, 10): nhóm lớp đối chứng là 2.05 % (chỉ tăng 0.51% so với kết quả bài kiểm tra số 1), ở nhóm lớp thực nghiệm là 9.22% (tăng 3.58% so với kết quả bài kiểm tra số 1).

Kết quả ở trên cho thấy việc áp dụng các biện pháp giáo dục đạo đức kinh doanh trong môn GDCD ở trường THPT đã mang lại hiệu quả rõ rệt đối với nhóm lớp thực nghiệm. Những kết quả nói trên đã góp phần khẳng định các biện pháp sư phạm đã được đề xuất trong luận án có tính khả thi và mang lại hiệu quả tích cực.

4.3.3. Đánh giá của giáo viên và học sinh sau thực nghiệm

4.3.3.1. Về ý kiến của giáo viên

- Qua việc quan sát hoạt động của HS trên lớp cũng như trong suốt quá trình thực nghiệm, 100% GV đều cho rằng đa số HS nhóm lớp thực nghiệm đã có nhận thức và phân biệt các giá trị, chuẩn mực đạo đức kinh doanh sâu sắc hơn so với HS nhóm đối chứng. Các GV ủng hộ việc tích hợp, lồng ghép nội dung GD ĐĐKD thông qua dạy học môn GDCD nhằm nâng cao hiệu quả dạy học và phát huy tính tích cực, chủ đông, sáng tạo và khả năng liên hệ thực tế cho HS

4.3.3.2. Về ý kiến của học sinh

HS cho rằng nội dung tích hợp GD ĐĐKD trong các giờ dạy thực nghiệm thiết thực, gần gũi với cuộc sống của các em. HS hứng thú tham gia vào bài giảng, hiểu sâu sắc kiến thức hơn, thấy rõ tính thực tiễn, tính có ích của môn học, rất thiết thực cho bản thân khi tham gia vào các hoạt động ngành nghề sau này...

4.3.4. Đánh giá chung về kết quả thực nghiệm

Thứ nhất, trong các giờ dạy thực nghiệm, HS tỏ rõ sự hứng thú, tích cực, chủ động giải quyết nội dung bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

Thứ hai, sau giờ thực nghiệm, năng lực học tập của HS được thể hiện khá rõ nét, như năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, sử dụng internet, năng lực hợp tác nhóm, năng lực thuyết trình…

Thứ ba, tỷ lệ HS đạt khá, giỏi qua các bài kiểm tra ở các lớp thực nghiệm cao hơn hẳn các lớp đối chứng, ngược lại tỷ lệ HS có điểm yếu - kém lại thấp hơn.

Thứ tư, kết quả thực nghiệm cùng với những ý kiến phản hồi của GV và HS tham gia thực nghiệm đều khẳng định tính khả thi cũng như hiệu quả của các biện pháp tích hợp hợp nội dung GD ĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT mà luận án đã xây dựng và đề xuất.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Từ việc nghiên cứu lý luận và thực nghiệm sư phạm, tác giả đã chứng minh và khẳng định giả thuyết khoa học nêu ra của luận án là đúng đắn, khả thi. Trên cơ sở đó, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1.1. Dạy học là con đường quan trọng, chủ yếu ở nhà trường phổ thông nhằm thực hiện các mục tiêu giáo dục phổ thông. GDĐĐKD cho HS là một nội dung quan trọng trong dạy học GDCD ở THPT, góp phần giáo dục toàn diện nhân cách HS, hình thành những phẩm chất tốt đẹp của người công dân tương lai.

1.2. Từ cơ sở lí luận, tác giả đã tiến hành khảo sát thực trạng GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT hiện nay. Việc khảo sát thực trạng được tiến hành bằng PP quan sát, phỏng vấn, đặc biệt là thông qua bảng hỏi. Hệ thống câu hỏi khảo sát hướng đến ở cả người dạy và người học, đã khái quát đầy đủ các nhân tố tác động cũng như các mặt của quá trình GDĐĐKD trong môn GDCD ở trường THPT

1.3. Giáo dục đạo đức kinh doanh cho HS có thể thực hiện thông qua nhiều con đường khác nhau, nhưng dạy học là con đường cơ bản và phù hợp nhất.

1.4. Các kết quả TNSP đã được kiểm nghiệm và số liệu thu được đã chứng minh tính đúng đắn, tính khả thi của các biện pháp đề xuất trong luận án góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả GD ĐĐKD trong môn GDCD ở các trường THPT hiện nay.

2. KIẾN NGHỊ

Qua quá trình nghiên cứu lý luận, khảo sát và triển khai thực nghiệm, chúng tôi nhận thấy một số vấn đề bất cập trong dạy học môn GDCD. Để nâng cao hiệu quả GD ĐĐKD trong môn GDCD ở các trường THPT hiện nay, tác giả xin đề xuất những kiến nghị như sau:

2.1. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần nghiên cứu để xây dựng lại nội dung trong môn GDCD ở trường THPT có tích hợp GD ĐĐKD thay thế các nội dung mang tính trừu tượng hiện nay bằng những nội dung chứa đựng các giá trị, chuẩn mực đạo đức kinh doanh cơ bản, thiết thực, gần gũi với cuộc sống và cần thiết cho sự phát triển của HS. Đồng thời, tăng thời lượng cho môn GDCD để GV có điều kiện thuận lợi hơn trong việc tăng cường GD ĐĐKD cho HS ở các trường THPT.

2.2. Để áp dụng hiệu quả các PPDH tích cực, các trường THPT cần đảm bảo tốt cơ sở vật chất cho việc giảng dạy và học tập của GV và HS, đầu tư nhiều trang thiết bị dạy học hiện đại. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần phát hành tư liệu phục vụ cho việc GD ĐĐKD cho HS trong dạy học môn GDCD ở các trường THPT.

2.3. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả GD ĐĐKD cho HS trong dạy học môn GDCD, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần khảo sát, đánh giá để từng bước chuẩn hóa lại đội ngũ GV GDCD ở THPT. Đồng thời thực hiện chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ GV giảng dạy môn GDCD.

2.4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT cần chú trọng đầu tư cho GV tham gia tập huấn hàng năm về nội dung, tăng cường bồi dưỡng về PPDH cho GV.

2.5. Với kết quả đã đạt được, luận án có thể triển khai vận dụng ở các trường THPT trên phạm vi cả nước.